

# VĂN HOÁ HƯƠNG ƯỚC - TỪ TRUYỀN THỐNG ĐẾN HIỆN ĐẠI

LÊ THỊ HIỀN

## Tóm tắt

*Cho đến nay hương ước đã trở thành thể chế quản lý phổ biến ở khu vực nông thôn nước ta. Tuy nhiên sự tồn tại của nó có những bước thăng trầm. Bài viết này muốn đề cập đến sự ra đời và tồn tại của hương ước, vị trí vai trò của nó trong lịch sử, đặc biệt là giai đoạn hiện nay. Lịch sử ra đời và tồn tại của hương ước cho thấy rằng, hương ước luôn giữ vị trí quan trọng trong việc ổn định cuộc sống ở thôn làng, là công cụ đặc lực để Nhà nước điều chỉnh và quản lý làng xã. Tính chất pháp luật của hương ước đã được thực tế chứng minh và được cuộc sống thừa nhận, như vậy hương ước cũng cần được kế thừa như di sản văn hoá, tức cần khai thác, phát huy mặt tích cực và khắc phục mặt tiêu cực.*

## 1. Văn hóa hương ước cổ - nguồn gốc, vị trí, vai trò

Hương ước là danh từ thông dụng và có ý nghĩa đầy đủ nhất để gọi bản ghi chép hệ thống lệ làng. GS.Đình Gia Khánh viết: “Hương ước là bản ghi chép các điều lệ liên quan đến tổ chức xã hội cũng như đến đời sống xã hội trong làng, các điều lệ hình thành dần trong lịch sử, được điều chỉnh và bổ sung mỗi khi cần thiết” (1, tr.62).

Hương ước còn có các tên gọi khác như *hương biên, hương lệ, hương khoán, khoán làng...*

Trong làng xã Việt Nam xưa, luật lệ tồn tại dưới nhiều hình thức, từ luật lệ truyền miệng đến luật lệ thành văn. Một số hương ước thành văn đã thể hiện, chính nó đã kế thừa luật lệ truyền miệng trước đó. Điều đó chứng tỏ rằng, từ rất sớm các công xã cổ truyền rồi đến công xã nông thôn đã xuất hiện các khoán ước mà phổ biến là quy ước truyền miệng.

Về thời điểm xuất hiện hương ước, các nhà nghiên cứu lịch sử, dân tộc học từ trước đến nay vẫn chưa khẳng định. Bằng vào các thư tịch cổ, chúng ta mới chỉ biết rằng đến triều đại vua Lê Thánh Tông triều đình đã ra sắc lệnh thể chế hoá hương ước. Bộ luật Hồng Đức đã ghi lại chỉ dụ của vua Lê Thánh Tông về việc biên soạn và thi hành hương ước như sau:

- Các làng xã không nên có khoán ước riêng vì đã có luật chung của nhà nước.
- Riêng làng xã nào có những tục khác lạ thì có thể lập khoán ước và cấm lệ

- Trong trường hợp đó, thảo ra hương ước phải là người có trình độ nho học, có đức hạnh, có chức và có tuổi tác.

- Thảo xong, phải được quan trên kiểm duyệt và có thể bị bác bỏ.

- Khi đã có khoán ước rồi, mà vẫn có người không chịu tuân theo, cứ nhóm họp riêng, thì những kẻ ấy sẽ bị quan trên trị tội.

Như vậy, có thể thấy rằng, đến đời vua Lê Thánh Tông đã có hương ước rồi nhưng hiện nay chúng ta vẫn chưa tìm thấy bản hương ước nào được soạn thảo vào thế kỷ XVI chứ chưa nói gì đến thế kỷ XV.

Tìm hiểu các văn bản hương ước có thể thấy chúng luôn được điều chỉnh sửa đổi qua các thời kỳ. Xét một trong những bản hương ước thành văn cổ nhất mà chúng ta hiện có là hương ước làng Mộ Trạch, huyện Đường An, phủ Thương Hồng (nay là huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương) ra đời từ năm 1665 sau đó đã được sửa đổi, bổ sung tới 16 lần, từ 30 điều ban đầu lên tới 82 điều ở bản cuối cùng (2, tr.160).

Nhìn chung, nội dung của hương ước là các vấn đề cụ thể gắn với hoàn cảnh, phong tục tập quán lâu đời của từng làng, đến lợi ích thiết thân của dân làng. Hương ước ra đời dựa trên các nguyên tắc đạo đức, các quan niệm tín ngưỡng truyền thống, xuất phát từ nền kinh tế nông nghiệp tự cấp, tự túc, cơ sở xã hội là thiết chế làng xã với nhiều hình thức tổ chức và các quan hệ đan xen chông chéo, cơ sở kinh tế là chế độ công điền, công thổ.

Hương ước được soạn thảo thành văn, nhưng cũng có khi bất thành văn. Có loại được soạn thảo với đầy đủ các quy định về mọi lĩnh vực như cơ cấu tổ chức, các quan hệ xã hội, văn hóa giáo dục, tôn giáo, tín ngưỡng, vệ nông, vệ sinh, trật tự, an ninh..., nó được xem như một bộ luật của làng. Có loại hương ước chỉ đề cập đến một vấn đề như sử dụng công điền, tế tự. Hương ước thành văn có loại được viết trên giấy, hàng năm được đọc trước dân làng để duy trì, bổ sung, sửa đổi, có loại được khắc vào bia đá, chuông đồng để lưu truyền (như thể lệ cúng giỗ, ruộng công).

Dù được duy trì dưới dạng văn bản hay truyền miệng thì hương ước vẫn là sản phẩm văn hoá của làng, là một thứ luật tục buộc mọi thành viên trong làng phải thực hiện.

Nội dung của các bản hương ước thường gồm 4 quy ước:

- Quy ước về chế độ ruộng đất
- Quy ước về khuyến nông, bảo vệ sản xuất, môi trường
- Quy ước về tổ chức xã hội và trách nhiệm các chức dịch của làng

- Quy ước về văn hoá tinh thần và tín ngưỡng

Trong các quy ước trên thì quy ước về chế độ ruộng đất có vị trí quan trọng nhất, bởi vì đại đa số người dân của các làng đều làm nông nghiệp là chủ yếu.

Ngoài bốn loại quy ước cơ bản trên, có làng lại ghi thêm vào hương ước những điều khoản về sự đóng góp các loại công quỹ, về tổ chức khao vọng, về “lễ ra làng” (lễ thành đình)...

Hương ước tồn tại song song cùng luật pháp, giữ vai trò là công cụ để điều chỉnh các mối quan hệ trong cộng đồng và quản lý làng xã. Trong làng xã Việt Nam xưa, người nông dân tập hợp lại với nhau bằng nhiều hình thức tổ chức: xóm ngõ, dòng họ, phe giáp, phường hội và theo các thiết chế của bộ máy chính trị - xã hội ở địa phương. Mỗi thiết chế hoặc tổ chức ấy có quy định riêng, độc lập, tách biệt với nhau. Hương ước đóng vai trò quan trọng trong việc điều hoà các thiết chế, là sợi dây ràng buộc hữu cơ mọi thành viên, tổ chức.

Hương ước là phương tiện để chuyển tải pháp luật và tư tưởng Nho giáo vào làng xã, hỗ trợ và bổ sung cho pháp luật khi cần xử lý những việc cụ thể nảy sinh từ nếp sống đặc thù của làng. Nó phản ánh văn hoá làng, uốn dân làng vào khuôn phép, gắn bó họ thành một cộng đồng chặt chẽ vì trách nhiệm và quyền lợi chung của làng.

Hương ước cũng là công cụ để Nhà nước can thiệp, quản lý, điều hoà lợi ích giữa làng xã với Nhà nước. Khi Nhà nước phong kiến củng cố địa vị và quyền lực của mình thì làng xã trở thành các đơn vị cống nạp cho chính quyền trung ương. Tuy nhiên Nhà nước chỉ tập trung quản lý các nguồn thuế, lính và phu, còn lại làng tự điều chỉnh các mối quan hệ của mình. Nhờ vậy, làng xã có quyền tự trị tương đối để duy trì những tập tục mà nội dung không đối lập với luật pháp của triều đình.

Qua việc thực hiện hương ước, truyền thống hiếu nghĩa, hoà thuận đạo hiếu gia đình, tình làng nghĩa xóm và sự gắn kết cộng đồng được củng cố, việc công ích, nghĩa vụ với nhà nước được thực hiện tốt. Và hơn hết, việc thực hiện hương ước đã làm phong phú đời sống văn hoá làng xã, giữ gìn được các giá trị truyền thống. Tuy nhiên, có thể thấy hương ước còn thể hiện tư tưởng bè phái, cục bộ, địa vị, ngôi thứ, đẳng cấp trong các quan hệ ứng xử làng xã, và thực tế đã xảy ra việc tranh chấp địa vị, sự thao túng của các chức sắc có đẳng cấp cao. Tuy vậy, hương ước vẫn giữ vai trò quan trọng trong việc ổn định cuộc sống trong làng. Sức mạnh của hương ước một phần dựa vào các hình phạt (nộp tiền phạt, làm cỗ lớn để tạ tội, nặng hơn nữa là đánh đòn giữa sân đình, đuổi ra khỏi làng) đối với kẻ vi phạm, ngoài ra còn ở sự khen thưởng nhằm biểu dương những người đã làm được việc có ích cho làng. Tuy nhiên, sức mạnh của hương ước chủ yếu bắt nguồn từ không khí xã hội, từ dư luận khen chê, vì vậy, từ chỗ là quy ước về lối sống, hương ước đóng vai trò là “Cương lĩnh tinh thần” điều chỉnh các hoạt động của mọi tổ chức và cá nhân trong làng xã.

Như vậy, có thể thấy rằng, trong suốt chiều dài lịch sử xã hội phong kiến hương ước luôn giữ vị trí quan trọng trong việc ổn định cuộc sống của dân làng, là công cụ đắc lực để Nhà nước điều chỉnh và quản lý làng xã.

Thực dân Pháp khi đặt ách đô hộ vào Việt Nam đã lợi dụng bộ máy và cơ chế hoạt động sẵn có của làng xã để cai trị nhân dân ta. Cuộc “Cải lương hương chính” đã được thực hiện trong những năm đầu thế kỷ XX với mục tiêu củng cố bộ máy chính quyền thực dân phong kiến ở nông thôn Việt Nam. Nhà nước thực dân phong kiến đã trực tiếp quản lý hương ước của các làng xã bằng cách soạn thảo “Hương ước mẫu”, buộc các làng lấy đó làm căn cứ để soạn thảo hương ước cho từng làng. Hương ước cải lương đã được tổ chức soạn thảo và thực hiện ở hầu hết các làng xã (nhất là ở vùng đồng bằng Bắc Bộ). Mặc dù với mục đích dùng hương ước để nắm và quản lý làng xã theo định hướng có lợi cho chính quyền thực dân nhưng nhiều bản hương ước thời kỳ này cũng có những yếu tố tích cực. Đó là những điều giáo huấn về nếp sống, về bảo vệ tính mệnh và tài sản chung của làng xã. ..

## **2. Văn hóa hương ước đương đại**

### ***2.1. Chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về việc biên soạn và thực thi hương ước***

Sau khi giành được chính quyền, Đảng và Nhà nước Việt Nam không chủ trương xây dựng hương ước ở nông thôn. Thời gian này, người ta quan niệm rằng, hương ước là biểu hiện tập trung của những tư tưởng cổ hủ, lối sống lạc hậu, không có cơ sở để tồn tại trong môi trường xã hội mới. Vào thời điểm ấy, chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định vị trí vai trò của hương ước. Khi về thăm Thái Bình (năm 1958) Bác nói: “hương ước là những khoán ước trong làng, người ta quy định với nhau không để trâu bò phá hoại lúa, gà què ăn rau, mạ, không được trộm cắp của nhau. Đó là những phong tục đẹp trong nông thôn nước ta trước đây. Từ sau Cách mạng, các chú bỏ hết tất cả, thế là không đúng. Cách mạng chỉ xóa đi cái dở, cái xấu, còn cái tốt, cái hay cần giữ gìn và phát huy chứ”(3, tr.68).

Ý kiến sáng suốt trên của Bác được thực hiện quá muộn, thời kỳ từ sau cách mạng tháng Tám cho đến trước Đổi mới, loại hương ước chính thức thành văn hoàn toàn vắng bóng.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (1986) đã khởi xướng đường lối đổi mới, đem lại nhiều chuyển biến quan trọng trong xã hội. Trong lĩnh vực kinh tế, Nghị quyết 10 về nông nghiệp được ban hành với chính sách khoán đến hộ gia đình đã làm thay đổi cơ chế quản lý và tổ chức sản xuất ở khu vực nông thôn. Hộ gia đình trở thành đơn vị cơ sở trong sản xuất kinh tế. Tiếp theo đó làng (thôn, ấp, bản)... dần trở lại vị trí quan trọng trong đời sống kinh tế xã hội. Chính sách đổi mới đã đem lại hiệu quả thiết thực không chỉ trong kinh tế mà cả trong đời sống văn hoá của nhân

dân. Nhiều phong tục tập quán tốt đẹp như lễ hội, diễn xướng dân gian truyền thống được phục hồi.

Tuy nhiên cùng với hiện tượng sống lại của các giá trị văn hóa tốt đẹp là sự nảy sinh những mâu thuẫn mới. Việc chuyển biến về tổ chức và quản lý trong sản xuất nông nghiệp kéo theo sự chuyển đổi cơ bản của các hoạt động văn hoá xã hội. Lúc này, nhu cầu về văn hoá tinh thần của người dân đòi hỏi phải mở rộng và nâng cao thì điều kiện đáp ứng về hưởng thụ và tham gia sinh hoạt văn hoá cho họ lại có phần giảm sút. Việc chuyển đổi nền kinh tế từ cơ chế bao cấp sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước dẫn đến việc xoá bỏ chế độ bao cấp về văn hoá. Ở hầu hết các xã, thôn, làng, bản, các thiết chế nhà văn hoá, thư viện, câu lạc bộ, đội văn nghệ quần chúng... ngừng hoạt động hoặc hoạt động hết sức khó khăn. Cùng lúc đó, hủ tục rườm rà, cò bạc, mê tín dị đoan... trỗi dậy ở nhiều địa phương, tác động không tốt tới truyền thống văn hoá - đạo đức - thẩm mỹ của dân tộc. Tình trạng đan xen yếu tố tích cực và tiêu cực qua việc phục hồi các hình thức sinh hoạt văn hoá và tiếp thu cái mới thiếu chọn lọc khiến cho tình hình xã hội ở nông thôn trở nên phức tạp.

Trước thực tế đó, các cấp chính quyền và ngành văn hoá - thông tin ở một số địa phương đã đề ra biện pháp quản lý, chỉ đạo là, trên cơ sở hương ước cũ, tiếp thu có chọn lọc để xây dựng hương ước mới (Quy ước làng văn hóa).

Cơ sở khoa học và thực tiễn về việc lựa chọn đơn vị cơ sở để xây dựng làng (thôn, ấp, bản...) văn hoá được rút ra từ đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước: “Làng văn hoá Thanh Hoá” mang ký hiệu KX 01 - 15 do Trung tâm khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia thực hiện. Kết quả đã khẳng định: làng là mô hình tổ chức quản lý các hoạt động văn hoá, xã hội ở nông thôn phù hợp với giai đoạn chuyển biến sâu sắc của đất nước. Đây là đơn vị cộng đồng dân cư có tính ổn định tương đối về thiết chế tổ chức và các mối quan hệ xã hội. Làng (thôn, ấp, bản...) còn là nơi lưu giữ các giá trị văn hoá truyền thống đã được thử thách qua nhiều thời kỳ lịch sử, thể hiện bản sắc và bản lĩnh riêng của nền văn hoá Việt Nam. Các giá trị văn hoá của làng (thôn, ấp, bản...) là cơ sở cho việc tổ chức xây dựng làng (thôn, ấp, bản...) văn hoá.

Để kịp thời chỉ đạo, phát triển phong trào, Bộ Văn hoá - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch) đã tiến hành khảo sát thực tế và tổ chức hội nghị, ở các khu vực nhằm định hướng cho công tác xây dựng đời sống văn hoá cơ sở. Các cuộc hội thảo đã đi đến sự khẳng định làng (thôn, ấp...) văn hoá là mô hình thích hợp, thực sự đem lại hiệu quả xã hội tích cực; xây dựng làng (thôn, ấp...) văn hoá có quan hệ mật thiết đối với xây dựng con người văn hoá, gia đình văn hoá, tạo sức mạnh nội sinh và động lực thúc đẩy sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội.

Nghị quyết hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 (khoá VII) ngày 10/6/1993 về *Tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn* đã đề ra nhiệm vụ: “Phát huy những truyền thống văn hoá tốt đẹp, thuần phong mỹ tục, bài trừ hủ tục, mê tín dị đoan, tệ nạn xã hội, phát huy tình làng nghĩa xóm, khuyến khích xây dựng và thực hiện các hương ước, quy ước về nếp sống văn minh thôn, xã”. Dưới ánh sáng của công cuộc đổi mới, nhiều vấn đề thuộc giá trị truyền thống và mối quan hệ biện chứng giữa quá khứ và hiện tại đòi hỏi chúng ta phải nhận thức lại về hương ước. Trong bài phát biểu nhan đề “Tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ kinh tế-xã hội nông thôn” của Tổng bí thư Đỗ Mười tại Hội nghị lần thứ năm BCH TƯ Đảng khoá VII có đoạn “Nhà nước cần sớm nghiên cứu đề ra quy chế thích hợp với chức năng, vai trò của xã, thôn, xóm, làng, bản trong tình hình mới trong khuôn khổ pháp luật và dựa vào những quy định này có thể xây dựng hương ước”.

Về mặt đường lối, Đảng đã khẳng định rõ, cần khuyến khích việc ban hành hương ước, quy ước. Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đã nêu : “Đẩy mạnh phong trào xây dựng làng, ấp, xã, phường văn hoá, nâng cao tính tự quản của cộng đồng dân cư trong công cuộc xây dựng nếp sống văn minh...”.

Định hướng này lại được nhấn mạnh trong Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII: “Thực hiện tốt cơ chế làm chủ của nhân dân, làm chủ thông qua đại diện là các cơ quan dân cử và các đoàn thể, làm chủ trực tiếp bằng các hình thức nhân dân tự quản, bằng hương ước, quy ước tại cơ sở phù hợp với luật pháp nhà nước”.

Để tiếp tục định hướng và chỉ đạo, ngày 19 tháng 6 năm 1998 Thủ tướng Chính phủ ra Chỉ thị số 24 về việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước làng bản thôn, ấp, cụm dân cư.

Sự phối hợp giữa các ngành các cấp trong việc chỉ đạo xây dựng và thực thi hương ước cũng được quan tâm đặc biệt. Ngày 31 tháng 3 năm 2000, Bộ Tư pháp, Bộ Văn hóa - Thông tin, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ra Thông tư liên tịch hướng dẫn việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của làng bản thôn, ấp, cụm dân cư. Năm 2001, Bộ Tư pháp, Bộ Văn hóa - Thông tin, Ban thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban Dân số Kế hoạch hóa gia đình ra Thông tư liên tịch số 04/2001 về việc đưa nội dung thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình trong xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước văn hóa.

Những chủ trương chính sách trên đã đáp ứng nhu cầu thực tiễn ở cơ sở, hợp lòng dân. Nhìn rộng ra các nước khác ở châu Á, theo kết quả nghiên cứu của Giáo

su Phan Đại Doãn (Trường Đại học Quốc gia Hà Nội) thì không chỉ ở Việt Nam mà ở Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản cũng có hương ước với các dạng thức khác nhau. Điều đáng lưu ý là tại các nước này nhà nước đều tỏ thái độ rõ ràng đối với hương ước. Nhà nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa đã ban hành Luật “Tổ chức Hội đồng Nhân dân thôn” (năm 1987) trong đó xác định cần có hương ước. Hương ước ở Trung Quốc do hội nghị nhân dân trong thôn thảo luận, thông qua và được cấp chính quyền Hương (Trấn) phê duyệt, có hiệu lực thi hành trong phạm vi thôn, do hội đồng thôn tổ chức thi hành. Tại Nhật Bản, Quốc hội đã ban hành Luật “Địa phương tự trị” (năm 1947) xác định quyền tự trị, tự quản của cộng đồng làng thôn. Cho đến đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX, tại nhiều thôn làng Nhật vẫn tồn tại các giác thư như là những quy định riêng của mỗi cộng đồng dân cư về những vấn đề cụ thể như bảo vệ đê điều, thoả thuận phân chia ranh giới các làng với chữ ký của đại diện các nhóm xã hội, các dòng họ trong thôn làng. Tại Hàn Quốc, cho đến đầu thập kỷ 70 của thế kỷ XX, nông thôn vẫn còn hương ước được hình thành trên cơ sở của các tộc ước, và cho đến đầu thập kỷ 80 nhiều thôn làng Hàn Quốc vẫn còn duy trì Ban Bảo vệ hương ước do dân tự lập ra để duy trì nếp sống văn hóa của cộng đồng theo truyền thống dân tộc.

Như vậy, việc xây dựng và thực thi hương ước cũng cần tham khảo thêm kinh nghiệm của các nước láng giềng, nhất là các nước có cơ sở nông thôn truyền thống gần giống Việt Nam nhưng thời gian gần đây đã bứt ra và hiện đại hóa với tốc độ nhanh.

## ***2.2. Nội dung tư tưởng chính của hương ước mới***

Tìm hiểu nội dung các bản *hương ước mới* (Quy ước làng văn hóa) ở một số địa phương khu vực đồng bằng Bắc Bộ, có thể thấy cấu trúc của nó, ngoài phần mở đầu và kết luận, văn bản được chia thành các chương (hoặc các phần)

*Chương 1:* Nguyên tắc chung,

*Chương 2:* Các quy định về lễ nghi, tôn giáo (chủ yếu là quy định về lễ hội)

*Chương 3:* Quy định về nếp sống văn hoá nói chung (chủ yếu là xây dựng Gia đình văn hoá, việc cưới, việc tang)

*Chương 4:* Đạo lý gia đình và xã hội,

*Chương 5:* An ninh trật tự, bảo vệ môi trường,

Cuối cùng là Điều khoản thi hành.

Một số bản Quy ước làng văn hóa chỉ chia thành 3 phần lớn, đó là: Nguyên tắc chung, Những quy định cụ thể, Điều khoản thi hành.

*Nguyên tắc chung* nêu khái quát tình hình lịch sử, quá trình hình thành, truyền thống văn hoá, cách mạng của địa phương, tình hình hiện tại, những thuận lợi, khó

khăn trong xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, đồng thời nêu nguyên tắc chung khi soạn thảo, giá trị pháp lý và phạm vi hiệu lực của văn bản.

*Những quy định cụ thể:* Là quy định về xây dựng gia đình văn hoá, xây dựng nếp sống văn hoá trong các sinh hoạt hàng ngày, giữ gìn trật tự an ninh, quy định về ngày lễ, ngày giỗ, ngày hội, việc cưới, việc tang, về bảo vệ và phát triển sản xuất, bảo vệ các công trình công cộng, vệ sinh môi trường và các quy định khác (về khuyến học, khuyến nông...)

*Về điều khoản thi hành:* Việc theo dõi thi hành quy ước của các thôn làng thường giao cho trưởng thôn, trưởng làng chịu trách nhiệm cùng với sự phối hợp với các đoàn thể của địa phương. Các hoạt động diễn ra đều có sự chỉ đạo của cấp uỷ đảng địa phương, sự theo dõi, quản lý